

TÁC ĐỘNG CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) ĐẾN VIỆC DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH: TỪ RÀO CẢN CÔNG NGHỆ ĐẾN CHIẾN LƯỢC THÍCH NGHI HIỆU QUẢ

Dương Thị Tuyết Lan
Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Trong kỷ nguyên Giáo dục 4.0, Trí tuệ nhân tạo (AI) không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn là tác nhân tái định hình phương pháp dạy và học Tiếng Anh chuyên ngành (ESP). Bài viết phân tích các tác động cốt lõi của AI đối với khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật, từ việc giải tỏa áp lực học liệu đến việc thu hẹp khoảng cách kiến thức chuyên môn cho giảng viên ngoại ngữ. Thông qua các minh chứng thực nghiệm và kỹ thuật Prompt Engineering, tác giả đề xuất khung chiến lược "Human-in-the-loop" (Con người kiểm soát quy trình) nhằm tối ưu hóa hiệu quả giảng dạy, đồng thời đảm bảo tính chính xác và đạo đức học thuật trong bối cảnh chuyển đổi số.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo (AI); dạy và học tiếng Anh; tiếng Anh chuyên ngành.

THE IMPACT OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE (AI) ON SPECIALIZED ENGLISH TEACHING AND LEARNING: FROM TECHNOLOGICAL BARRIERS TO EFFECTIVE ADAPTATION STRATEGIES

Abstract: In the era of Education 4.0, Artificial Intelligence (AI) is not only a supporting tool but also an agent that reshapes the teaching and learning method of specialized English (ESP). The article analyzes the core impacts of AI on the Economics and Engineering sector, from relieving the pressure of learning materials to narrowing the professional knowledge gap for foreign language lecturers. Through experimental demonstrations and Prompt Engineering techniques, the author proposes a "Human-in-the-loop" strategic framework to optimize teaching efficiency, while ensuring academic accuracy and ethics in the context of digital transformation.

Keywords: Artificial Intelligence (AI); teaching and learning English; Specialized English.

Nhận bài: 13/02/2026

Phản biện: 10/03/2026

Duyệt đăng: 15/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI - GenAI) đang mở ra một bước ngoặt quan trọng trong lĩnh vực giáo dục đại học và đào tạo nghề nghiệp trên toàn cầu. Không chỉ dừng lại ở vai trò hỗ trợ công nghệ, GenAI đang tái định hình cách thức tiếp cận tri thức, phương pháp giảng dạy và mô hình học tập theo hướng linh hoạt, cá nhân hóa và sáng tạo hơn. Tại Việt Nam, định hướng này đã được khẳng định rõ trong Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo Quyết định số 127/QĐ-TTg, nhấn mạnh yêu cầu phổ cập kỹ năng AI như một năng lực thiết yếu trong thời đại số. Đặc biệt, trong bối cảnh đổi mới giáo dục, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Kim Sơn từng nhấn mạnh rằng AI cần được nhìn nhận như một công cụ giải phóng giảng viên khỏi các công việc mang tính lặp lại, từ đó tập trung nhiều hơn vào hoạt động sáng tạo, định hướng và phát triển năng lực người học.

Trong lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành (ESP - English for Specific Purposes), nơi yêu cầu cao về tính cập nhật và độ chính xác của tri thức, GenAI càng thể hiện rõ vai trò là một công cụ hỗ trợ đắc lực. Sự xuất hiện của AI không chỉ giúp

nâng cao hiệu quả giảng dạy mà còn thúc đẩy quá trình cá nhân hóa việc học, phù hợp với nhu cầu và trình độ của từng người học. Theo báo cáo "The Future of Jobs Report 2023" của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, khoảng 44% kỹ năng cốt lõi của người lao động sẽ có sự thay đổi trong những năm tới dưới tác động của AI. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với giảng viên ESP trong việc chuyển đổi vai trò, từ người truyền đạt kiến thức sang người tổ chức, điều phối và dẫn dắt hệ sinh thái học tập số, nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện đại.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tính cấp thiết và Rào cản trong giảng dạy ESP hiện nay

Giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành (ESP - English for Specific Purposes) tại các trường kỹ thuật và kinh tế hiện nay đang đứng trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ nhằm đáp ứng sự biến động nhanh chóng của thị trường lao động và tiến trình chuyển đổi số. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, sinh viên không chỉ cần năng lực ngôn ngữ chung mà còn phải sử dụng tiếng Anh như một công cụ làm việc trong các lĩnh vực chuyên môn cụ thể như cơ khí, công nghệ ô tô, kế toán

hay logistics. Điều này khiến ESP trở thành một thành tố then chốt trong chương trình đào tạo. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai lại đang gặp phải những rào cản mang tính hệ thống, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giảng dạy và hiệu quả học tập của người học.

Hạn chế về kiến thức nền tảng (Content Knowledge)

Một trong những thách thức lớn nhất đối với giảng viên ESP là khoảng cách về kiến thức chuyên ngành. Theo Dudley-Evans & St John (1998), giảng viên ESP không nhất thiết phải là chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, nhưng cần có sự hiểu biết đủ sâu để nắm bắt bối cảnh, thuật ngữ và logic của ngành. Tuy nhiên, trên thực tế tại nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp như HOTECH, yêu cầu này không dễ đáp ứng. Các lĩnh vực kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ ô tô hay điện – điện tử, thường liên quan đến những hệ thống phức tạp như điều khiển điện tử, chẩn đoán lỗi bằng phần mềm hoặc các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế. Trong khi đó, giảng viên ngoại ngữ chủ yếu được đào tạo theo hướng ngôn ngữ học, ít có cơ hội tiếp cận chuyên sâu với các nội dung kỹ thuật này.

Tương tự, trong khối ngành kinh tế, sự biến động liên tục của các khái niệm như lạm phát, chu kỳ kinh doanh, chính sách tiền tệ hay thương mại quốc tế cũng đặt ra thách thức không nhỏ. Các thuật ngữ không chỉ mang tính học thuật mà còn thay đổi theo bối cảnh thực tiễn, đòi hỏi người dạy phải cập nhật thường xuyên. Khoảng cách giữa ngôn ngữ và nội dung chuyên ngành vì vậy trở thành một “vực thẳm” khó san lấp. Phương pháp giảng dạy truyền thống, vốn thiên về dịch thuật và ghi nhớ từ vựng, không đủ khả năng giúp sinh viên hiểu sâu và vận dụng trong tình huống nghề nghiệp. Điều này dẫn đến hệ quả là người học có thể nắm được từ vựng nhưng lại thiếu năng lực giao tiếp chuyên môn thực tế.

Áp lực học liệu thực tế (Authentic Materials)

Bên cạnh hạn chế về kiến thức nền tảng, việc xây dựng và sử dụng học liệu thực tế cũng là một rào cản lớn trong giảng dạy ESP. Theo Hutchinson & Waters (1987), học liệu ESP cần xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của người học, phản ánh đúng ngữ cảnh sử dụng trong môi trường nghề nghiệp. Điều này đồng nghĩa với việc giảng viên phải tìm kiếm các tài liệu xác thực từ những nguồn uy tín như báo chí chuyên ngành, tạp chí kinh tế hoặc các trang web kỹ thuật quốc tế. Tuy nhiên, những

tài liệu này thường được viết ở trình độ cao (B2-C1), vượt quá khả năng tiếp nhận của phần lớn sinh viên tại các trường nghề, vốn chỉ ở mức A2-B1.

Do đó, giảng viên không chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm mà còn phải tiến hành điều chỉnh, đơn giản hóa nội dung, thiết kế lại bài tập và xây dựng hoạt động học tập phù hợp. Quá trình này đòi hỏi rất nhiều thời gian, công sức và kỹ năng sư phạm. Đặc biệt, khi một giảng viên phải đảm nhận nhiều lớp với các chuyên ngành khác nhau như kế toán, cơ khí hay logistics, áp lực này càng gia tăng. Mỗi chuyên ngành lại có hệ thống thuật ngữ, ngữ cảnh giao tiếp và yêu cầu kỹ năng riêng, khiến việc cá nhân hóa học liệu trở thành một nhiệm vụ gần như quá tải.

Hơn nữa, việc thiếu nguồn học liệu chuẩn hóa dành riêng cho từng ngành nghề tại Việt Nam cũng khiến giảng viên phải “tự bơi” trong quá trình thiết kế bài giảng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến tính nhất quán của chương trình mà còn làm gia tăng sự chênh lệch về chất lượng giảng dạy giữa các lớp, các cơ sở đào tạo. Trong bối cảnh đó, giảng viên ESP vừa phải đóng vai trò người dạy, người thiết kế chương trình, vừa là người biên soạn học liệu - một gánh nặng lớn nếu không có sự hỗ trợ từ công nghệ và hệ thống quản lý giáo dục. Tóm lại, tính cấp thiết của việc đổi mới giảng dạy ESP xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động và xu thế hội nhập, nhưng đồng thời cũng bị cản trở bởi hai rào cản mang tính hệ thống: hạn chế về kiến thức nền tảng chuyên ngành và áp lực xây dựng học liệu thực tế. Nếu không có giải pháp phù hợp, những rào cản này sẽ tiếp tục làm giảm hiệu quả đào tạo, khiến ESP chưa thể phát huy hết vai trò của mình trong việc trang bị năng lực nghề nghiệp cho người học trong thời đại số.

2.2. Cơ sở lý luận và Minh chứng khoa học về tác động của AI

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn (LLMs), vào giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành (ESP) không chỉ mang tính xu hướng mà còn có cơ sở lý luận vững chắc và được củng cố bởi nhiều minh chứng khoa học thực nghiệm. AI không đơn thuần là một công cụ hỗ trợ mà đang dần trở thành một tác nhân sư phạm mới, góp phần tái định hình cách thức tổ chức hoạt động học tập, tương tác và phát triển năng lực ngôn ngữ chuyên môn của người học.

Thuyết Kiến tạo và Vai trò “Giàn giáo” kỹ thuật số

Theo thuyết kiến tạo xã hội của Lev Vygotsky, quá trình học tập diễn ra hiệu quả nhất khi người học được đặt trong “Vùng phát triển gần” (Zone of Proximal Development - ZPD), nơi họ có thể hoàn thành nhiệm vụ với sự hỗ trợ phù hợp từ người khác hoặc từ các công cụ trung gian. Trong bối cảnh hiện đại, AI có thể được xem là một dạng “giàn giáo” (scaffolding) kỹ thuật số có khả năng thích ứng linh hoạt với nhu cầu và trình độ của từng cá nhân. Không giống như các phương tiện dạy học truyền thống, AI có thể cung cấp phản hồi tức thời, điều chỉnh mức độ khó của nội dung, gợi ý cách diễn đạt và sửa lỗi ngôn ngữ theo thời gian thực. Đặc biệt trong giảng dạy ESP, nơi người học thường phải đối mặt với khối lượng lớn thuật ngữ chuyên ngành và cấu trúc diễn đạt phức tạp, vai trò của AI càng trở nên rõ nét. Thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào giảng viên, sinh viên có thể tương tác với AI để luyện tập viết email chuyên nghiệp, mô phỏng hội thoại kỹ thuật hoặc giải thích các khái niệm chuyên môn bằng ngôn ngữ đơn giản hơn. Điều này giúp mở rộng không gian học tập vượt ra ngoài lớp học, đồng thời tạo điều kiện cho việc học diễn ra liên tục và cá nhân hóa.

Một khía cạnh quan trọng khác là tác động của AI đến yếu tố tâm lý người học. Nghiên cứu của Kohnke (2023) trên tạp chí TESOL Quarterly cho thấy việc sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn giúp giảm đáng kể “sự lo âu ngoại ngữ” (Foreign Language Anxiety), đặc biệt đối với sinh viên khối kỹ thuật - những đối tượng thường ít tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh. AI cung cấp một môi trường tương tác “không phán xét”, nơi người học có thể thử nghiệm, mắc lỗi và sửa sai mà không chịu áp lực từ đánh giá xã hội. Nhờ đó, người học dần hình thành sự tự tin, tăng cường động lực và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động giao tiếp thực tế. Có thể nói, AI không chỉ đóng vai trò hỗ trợ nhận thức mà còn là công cụ điều tiết cảm xúc, góp phần nâng cao hiệu quả học tập toàn diện.

Hiệu suất thực nghiệm

Bên cạnh nền tảng lý luận, hiệu quả của AI trong xử lý ngôn ngữ và hỗ trợ công việc tri thức đã được chứng minh rõ ràng qua các nghiên cứu thực nghiệm. Nghiên cứu của Noy & Zhang (2023) công bố trên tạp chí Science cho thấy việc sử dụng AI trong các nhiệm vụ xử lý văn bản giúp tăng năng suất làm việc lên tới 37% và cải thiện chất lượng đầu ra khoảng 20%. Đây là một con số có ý nghĩa lớn, đặc biệt khi áp dụng vào

lĩnh vực giáo dục, nơi giảng viên thường phải xử lý khối lượng lớn tài liệu và thiết kế hoạt động học tập đa dạng. Trong giảng dạy ESP, những lợi ích này được chuyển hóa thành các khả năng cụ thể và mang tính đột phá. Thứ nhất, khả năng cá nhân hóa ở quy mô lớn (mass personalization). AI có thể nhanh chóng chuyển đổi một văn bản chuyên ngành phức tạp, chẳng hạn như một báo cáo tài chính hoặc tài liệu kỹ thuật, thành nhiều phiên bản với mức độ khó khác nhau (Dễ - Trung bình - Khó) chỉ trong vài chục giây. Điều này cho phép giảng viên đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của sinh viên trong cùng một lớp mà không cần tốn quá nhiều thời gian chuẩn bị. Người học ở trình độ thấp có thể tiếp cận nội dung một cách dễ hiểu, trong khi người học khá hơn vẫn được thử thách với phiên bản nâng cao. Thứ hai, khả năng mô phỏng bối cảnh (contextual simulation). AI có thể tạo ra các tình huống giao tiếp giả lập sát với thực tế nghề nghiệp, chẳng hạn như cuộc hội thoại giữa kỹ sư vận hành và khách hàng quốc tế về sự cố kỹ thuật, hay giữa nhân viên logistics và đối tác về vấn đề giao hàng. Những tình huống này không chỉ giúp sinh viên luyện tập ngôn ngữ mà còn phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy nghề nghiệp. So với phương pháp đóng vai truyền thống, AI mang lại sự linh hoạt cao hơn khi có thể tạo ra vô số kịch bản khác nhau, cập nhật theo xu hướng thực tiễn và điều chỉnh theo phản hồi của người học. Ngoài ra, AI còn hỗ trợ giảng viên trong việc thiết kế bài tập, đánh giá và phản hồi. Các công cụ AI có thể tự động tạo câu hỏi trắc nghiệm, bài tập điền từ, hoặc thậm chí chấm điểm và đưa ra nhận xét chi tiết cho bài viết của sinh viên. Điều này giúp giảm tải đáng kể công việc hành chính, cho phép giảng viên tập trung nhiều hơn vào việc hướng dẫn, tương tác và phát triển năng lực tư duy cho người học. Tổng thể, cả về mặt lý luận lẫn thực nghiệm, AI đã chứng minh được vai trò như một công cụ sư phạm mạnh mẽ trong giảng dạy ESP. Việc tích hợp AI không chỉ giúp nâng cao hiệu quả học tập mà còn mở ra khả năng đổi mới toàn diện phương pháp giảng dạy, hướng tới một mô hình giáo dục linh hoạt, cá nhân hóa và phù hợp với yêu cầu của thời đại số.

2.3. Hệ sinh thái công cụ AI và Mô hình TPACK trong ESP

Để tích hợp AI hiệu quả, giảng viên cần vận hành theo khung TPACK (Technology, Pedagogy, and Content Knowledge). Sự giao thoa này tạo ra các nhóm công cụ hỗ trợ cho nhau:

| Nhóm chức năng | Công cụ tiêu biểu | Ứng dụng trong ESP khối Kinh tế - Kỹ thuật |
|-------------------------------|-------------------------------------|--|
| Sáng tạo nội dung | ChatGPT-4, Claude 3.5, Gemini | Soạn thảo giáo án, tóm tắt tài liệu kỹ thuật, viết mẫu email thương mại. |
| Phát triển kỹ năng Nghe - Nói | Elsa Speak, ElevenLabs, Otter.ai | Luyện phát âm thuật ngữ chuyên ngành; chuyển đổi văn bản kỹ thuật thành giọng đọc bản ngữ. |
| Thiết kế bài tập tương tác | Quizizz AI, Curipod, Brisk Teaching | Tự động tạo câu hỏi trắc nghiệm (MCQ) từ một video YouTube về quy trình sản xuất. |
| Kiểm soát ngôn ngữ | Grammarly, Quillbot, DeepL | Hiệu đính các bài viết chuyên ngành, đảm bảo văn phong trang trọng (Formal tone). |

2.4. Quy trình thiết kế bài tập bằng Kỹ thuật Prompt Engineering

Đề trí tuệ nhân tạo (AI) thực sự trở thành một “trợ lý chuyên gia” trong giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành (ESP), giảng viên không chỉ cần biết sử dụng công cụ mà còn phải làm chủ kỹ thuật thiết kế câu lệnh (Prompt Engineering). Theo quan điểm của chuyên gia giáo dục số Ethan Mollick (2023), hiệu quả của AI không nằm ở bản thân công nghệ mà phụ thuộc rất lớn vào cách người dùng thiết lập bối cảnh, xác định rõ vai trò và yêu cầu đầu ra. Một prompt tốt không chỉ giúp AI hiểu đúng nhiệm vụ mà còn định hướng chất lượng, độ sâu và tính phù hợp của nội dung được tạo ra, từ đó hỗ trợ giảng viên tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả thiết kế bài tập.

Khung cấu trúc Prompt chuyên sâu cho khối Kỹ thuật

Trong giảng dạy ESP cho khối kỹ thuật, việc đưa ra các yêu cầu chung chung như “tạo bài tập tiếng Anh về ô tô” thường dẫn đến kết quả mơ hồ, thiếu chiều sâu chuyên môn. Thay vào đó, giảng viên cần áp dụng cấu trúc prompt có bối cảnh rõ ràng, bao gồm ba thành tố cốt lõi: Vai trò - Nhiệm vụ - Yêu cầu. Trước hết, việc xác định vai trò giúp AI “nhập vai” đúng chuyên môn, ví dụ: “Bạn là một giảng viên ESP có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Cơ khí động lực”. Tiếp theo, nhiệm vụ cần cụ thể hóa nội dung xử lý, chẳng hạn yêu cầu AI đọc và phân tích một đoạn văn về “Hệ thống phun xăng điện tử (EFI)”. Cuối cùng, phần yêu cầu phải được chia nhỏ thành các đầu việc rõ ràng, có thể đo lường được, như: trích xuất thuật ngữ, xây dựng hội thoại thực tế giữa thợ sửa chữa và khách hàng, hoặc thiết kế câu hỏi đọc hiểu theo

các mức độ tư duy trong thang đo Bloom. Cách tiếp cận này không chỉ giúp tạo ra học liệu chính xác về mặt ngôn ngữ mà còn đảm bảo tính sát thực với bối cảnh nghề nghiệp. Sinh viên không chỉ học từ vựng mà còn hiểu cách sử dụng chúng trong giao tiếp kỹ thuật, từ đó phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc thực tế.

Khối ngành Kinh tế: Mô phỏng đàm phán

Đối với khối ngành kinh tế như Kế toán, Quản trị kinh doanh hay Logistics, AI có thể được khai thác như một “đối tác giả lập” trong các tình huống đàm phán thương mại. Thông qua prompt được thiết kế phù hợp, giảng viên có thể yêu cầu AI đóng vai khách hàng quốc tế, nhà cung cấp hoặc đối tác kinh doanh, từ đó tạo ra các kịch bản giao tiếp đa dạng. Sinh viên sẽ được thực hành sử dụng các mẫu câu đàm phán, thương lượng giá cả, thảo luận điều khoản hợp đồng hoặc giải quyết tranh chấp trong môi trường mô phỏng gần với thực tế. Đặc biệt, AI có thể tích hợp các yếu tố chuyên môn như Incoterms, phương thức thanh toán quốc tế (L/C, T/T), hay các điều khoản giao hàng, giúp người học không chỉ rèn luyện ngôn ngữ mà còn hiểu rõ bối cảnh kinh doanh toàn cầu. Việc tương tác hai chiều với AI tạo ra trải nghiệm học tập chủ động, nơi sinh viên vừa là người học vừa là người tham gia vào tình huống nghề nghiệp giả lập. Nhờ đó, kỹ năng giao tiếp chuyên ngành được hình thành một cách tự nhiên, linh hoạt và hiệu quả hơn so với các phương pháp truyền thống.

2.5. Thách thức và Chiến lược “Human-in-the-loop”

Trong quá trình tích hợp AI vào giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành (ESP), bên cạnh những lợi ích rõ rệt, các thách thức liên quan đến độ tin

cậy của thông tin và đạo đức học thuật cũng ngày càng trở nên đáng quan tâm. Do đó, việc áp dụng chiến lược “Human-in-the-loop” - đặt con người vào vị trí trung tâm kiểm soát - là một định hướng cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng và tính bền vững của quá trình dạy - học.

Rủi ro về “Ảo giác AI” (Hallucination) và Tính chính xác kỹ thuật

Một trong những hạn chế lớn của AI là hiện tượng “ảo giác” (hallucination), khi hệ thống tạo ra những thông tin có vẻ hợp lý nhưng thực chất không chính xác hoặc không có nguồn kiểm chứng. Trong lĩnh vực ESP, đặc biệt là các ngành kỹ thuật và kinh tế, sai lệch về thuật ngữ, thông số kỹ thuật hay quy định pháp lý có thể dẫn đến những hiểu lầm nghiêm trọng. Ví dụ, một mô tả sai về quy trình vận hành máy móc hoặc điều khoản hợp đồng quốc tế có thể khiến người học hình thành kiến thức sai lệch ngay từ đầu. Vì vậy, chiến lược “Human-in-the-loop” nhấn mạnh vai trò của giảng viên như một “chốt chặn” cuối cùng trong việc kiểm duyệt nội dung do AI tạo ra. Không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra, giảng viên còn cần hướng dẫn sinh viên phát triển kỹ năng “kiểm chứng chéo” (cross-referencing). Cụ thể, sinh viên được khuyến khích đối chiếu thông tin từ AI với các nguồn đáng tin cậy như từ điển chuyên ngành (ví dụ Oxford Business English Dictionary), tài liệu kỹ thuật chính thống hoặc các tiêu chuẩn quốc tế như ISO. Kỹ năng này không chỉ giúp nâng cao độ chính xác của tri thức mà còn hình thành tư duy phản biện - một năng lực quan trọng trong thời đại số.

Đạo đức học thuật và Liêm chính số

Bên cạnh vấn đề độ chính xác, AI cũng đặt ra thách thức lớn đối với đạo đức học thuật. Khi

AI có thể tạo ra văn bản hoàn chỉnh, ranh giới giữa việc “hỗ trợ học tập” và “gian lận” trở nên ngày càng mờ nhạt. Nếu không có định hướng rõ ràng, sinh viên có thể lạm dụng AI để hoàn thành bài tập mà không thực sự hiểu nội dung. Để giải quyết vấn đề này, giảng viên cần xây dựng một bộ quy tắc ứng xử rõ ràng trong môi trường học tập có sự hỗ trợ của AI. Trước hết, cần yêu cầu sinh viên minh bạch hóa việc sử dụng AI thông qua cơ chế “AI Disclosure”, tức là công khai những phần nội dung có sự hỗ trợ từ AI. Điều này giúp đảm bảo tính trung thực và tạo cơ sở cho việc đánh giá công bằng. Đồng thời, cần chuyển trọng tâm đánh giá từ sản phẩm cuối cùng sang quá trình học tập (process assessment), bao gồm cách sinh viên đặt câu hỏi, chỉnh sửa nội dung, phản biện và hoàn thiện bài làm. Cách tiếp cận này không chỉ hạn chế gian lận mà còn khuyến khích người học phát triển năng lực tư duy và kỹ năng học tập độc lập trong môi trường số.

III. KẾT LUẬN

AI không thay thế giảng viên ESP, nhưng nó định nghĩa lại khái niệm “giảng viên hiệu quả”. Sự kết hợp giữa trí tuệ sự phạm (Empathy, Intuition) và tốc độ xử lý của AI (Efficiency, Data) là chìa khóa để nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực khối Kinh tế - Kỹ thuật tại HOTECH. Do vậy, Khoa Cơ bản cần xây dựng thư viện các câu lệnh chuẩn cho từng chuyên ngành để đồng bộ hóa chất lượng học liệu. Chuyển dịch sang các bài tập dự án (Project-based learning) nơi sinh viên sử dụng AI như một công cụ nghiên cứu nhưng phải thuyết trình và bảo vệ giải pháp trực tiếp. Tổ chức các buổi “AI Teaching Lab” hàng tháng để giảng viên chia sẻ các ứng dụng mới và cách xử lý các lỗi kỹ thuật thường gặp của AI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Tọa đàm “Trí tuệ nhân tạo và quản trị đại học”*, Tham luận của Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn. Chính phủ Việt Nam (2021), *Quyết định số 127/QĐ-TTg về Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030*.

Lê Văn Cường (2023), *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ tại các trường Cao đẳng*, Tạp chí Khoa học Giáo dục.